

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/3/2025
Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Lương

Ông Đinh Văn Liêm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 153/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 về “Ly hôn” theo Thông báo hoãn phiên tòa số: 401/TB-TA ngày 03 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1969; Nơi cư trú: Tổ dân phố XN, phường CPN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Bà P có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Tổ dân phố XN, phường CPN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Ông H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 11/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:* Bà và ông Nguyễn Đình H tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân xã CPN, huyện C (nay là phường CPN, thành phố C) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 96 quyển số 01 ngày 07/12/1988.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Đình H có 03 con chung: Nguyễn Quang I, sinh ngày 27 tháng 10 năm 1989, Nguyễn Thụy Ngọc A, sinh ngày 18 tháng 3 năm 1994 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2000. Các con chung đã thành niên, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Đình H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 07/01/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đình H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà P tự nguyện tìm hiểu, kết hôn vào năm 1989. Vợ chồng hạnh phúc thời gian dài đến năm 2014 ông có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ biết chuyện, ông đã từ bỏ các mối quan hệ này. Thời gian đó, vợ ông rất buồn và sút cân nên vợ ông đã năn nỉ ông làm giấy từ chối tài sản mà anh chị cho lại vợ chồng ông bà đã đứng tên sau khi bố mẹ vợ chết. Nguyên nhân anh chị cho là do ông là người chăm sóc bố mẹ vợ nằm liệt giường suốt mấy năm. Sau này ông đã có thái độ sống tích cực nhưng vợ ông thường xuyên lấy chuyện cũ ra nói nên ông cũng khó chịu. Nay bà P yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung đúng như bà P trình bày. Các con chung đã thành niên nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về “Ly hôn” mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Đình H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân xã CPN, huyện C (nay là phường CPN, thành phố C) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 96 quyền số 01 ngày 07/12/1988 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn; vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy với nhau nhưng bị đơn đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng; nguyên đơn đã không còn tình cảm với bị đơn, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn nhưng bị đơn không đồng ý. Như vậy, mục đích hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn với bị đơn.

[2.2] Về con chung: 03 con chung Nguyễn Quang I, sinh ngày 27 tháng 10 năm 1989, Nguyễn Thụy Ngọc A, sinh ngày 18 tháng 3 năm 1994 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2000 của bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Đình H đã thành niên, bà P, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm 300.000 đồng về “Ly hôn”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn ông Nguyễn Đình H.

2. Về con chung: 03 con chung Nguyễn Quang I, sinh ngày 27 tháng 10 năm 1989, Nguyễn Thụy Ngọc A, sinh ngày 18 tháng 3 năm 1994 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2000 của bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Đình H đã thành niên, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Đình H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm 300.000 đồng về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005092 ngày 26/12/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C. Vậy, bà Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Bà Nguyễn Thị P, Ông Nguyễn Đình H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p C;
- CCTHADS t.p C;
- UBND phường CPN, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Công